NĂM THỨ NĂM SỐ 203 Thứ năm, tháng 6 chín 1943

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1$20

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC Số 208

Chia rẽ là diệt vong — *Ng.-tường-Phượng*

Đức Bảo Đại đã quả quyết thoái vị — *Mạnh-Phan thuật*

Tiến quân ca — *Vân-Dung*

Ngày Độc Lập — *Phạm-mạnh-Phan*

Đại nam dật sự (LXX) — *Nguyễn-văn-Tố*

Một vị danh thần triều Nguyễn (VI) — *Trúc-Khê*

Dân tộc Việt nam rất đủ tư cách để tự trị (II) — *Vũ-bội-Liêu*

Bản tuyên ngôn Độc lập của nước Việt nam

Việt nam văn học sử (XVII) — *Ứng-hộc*

Du kích ca — V. D.

Bụi đời... gió cuốn, — *Cô-Lý*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55 $ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng

Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương

BÁO MỚI

Tri-Tân nhận được **VĂN-HÓA** số 1 ra ngày thứ sáu — tuần báo của bạn trẻ — giá 1 $ 30 *Chủ bút :* ông Đào-Hùng — *Chủ nhiệm :* ông Từ-Giấy. Báo khổ giấy lớn — cách xếp đặt mỹ-thuật — in hai mầu.

Xin chúc bạn đồng nghiệp được trường thọ và giới thiệu cùng bạn đọc.

***

Kính cáo

CÁC ĐẠI LÝ MIỀN TRUNG VÀ MIỀN NAM

Vì đường giao thông chưa được như xưa, xin các Đại-lý miền Trung và miền Nam gởi trả tiền báo hàng tháng cho Bản-chí bằng ngân phiếu tốc hành (mandat-télégraphique) vì nếu gởi ngân phiếu thường thì phải hai ba tháng mới tới nơi.

T. T

***

TÔI HÁT ĐẶC BIỆT

Giúp vào quỹ đoàn Văn-Hóa Bắc bộ Việt-nam

Bốn ban hát lớn ở Hà-thành. Tố Như, Ái Liên, Đại quốc Hoa, Nhật-tân-Ban sẽ để riêng tối hát chủ nhật 9-9-45 làm tối hát đặc biệt giúp vào quỹ đoàn Văn-Hóa Bắc bộ Việt-nam để đoàn tiến hành công việc tổ chức nhà Văn-Hóa (tại Khai-trí tiến-đức) đón tiếp Phái bộ Đồng Minh.

Chia rẽ là diệt-vong

Trong mấy tuần nay, những việc sảy ra trên giải đất Việt-nam này đã làm cho bao nhiêu người như ngủ mới thức, như mê chợt tỉnh.

Không ai bảo ai, trong thâm tâm đều ấu-lo, mong mỏ, cầu-nguyện sự hoàn toàn độc-lập cho Tổ quốc.

Đương-thời một Chính-phủ duy-nhất liên-hiệp các tầng lớp trong quốc dân đã chính-thức thành-lập, việc trong thu-xếp có phần ổn-thỏa song ta chớ vì ưu-điểm ấy mà quá lạc quan. Trái lại, ta cần phải đoàn kết hơn nữa và chặt-chẽ hơn, đoàn-kết để tranh đấu, tranh-đấu cho đến cái ngày quốc-lập vinh-quang.

Chỉ một tư-tưởng trái-ngược, một hành-vi mâu-thuẫn trong lúc này có hại rất lớn vì nó sẽ chia rẽ những phần-tử quốc dân, rao-rắc sự hoài-nghi mà chia rẽ hoài-nghi lúc này là mất hết lực lượng.

Thử nhìn các dân tộc trên thế giới đã phấn-đấu thế nào để bảo-tồn lấy tổ-quốc, nào Nam-tư lập phủ, nào Ba Lan mà gần đây lòng dũng cảm đang làm gương sáng-lạn về sự tranh-đấu.

Lại giở lại trang lịch-sử đẫm máu của nước nhà ông cha ta đã phấn-đấu thế nào?

Nếu khi vua tôi nhà Trần phải bỏ thành Thăng-Long chạy vào Thanh-Hóa mà tướng sĩ chia rẽ thì sao tháng ba năm Mậu Tý (1288) Trần quốc Tuấn phá nổi quân Mông cổ ở Bạch đằng Giang để vững cái âu vàng của non sông đất Việt.

Nếu trong ngày cạn lương ở Chí Linh mà dân quân của Lê-Lợi tan-vỡ thời Bình-định Vương khôi-phục sao được đô đô!

Chia-rẽ là diệt vong!
Chia-rẽ là phản-bội

Người nào còn có tư-tưởng chia rẽ có phương hại đến nền độc-lập của nước nhà tức là một kẻ phản-bội, người ấy không xứng đáng sống trên giải đất này chen vai cùng với người nước này, vì người ấy đã quên hẳn mình là người Việt mà nỡ phụ non sông của nước Việt.

Trước kia tình-thế chia rẽ, ngày nay sự thế đã đổi thay, lòng dân chỉ có một thời tư-tưởng không thể chia hai được. Phương-ngôn nói:

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao,

Đông triết đã có câu. « Giời dòm nơi dân dòm, giời nghe nơi dân nghe », trong buổi toàn thắng của nhân dân ta còn có tư-tưởng chia rẽ tức là trái với ông giời sai xét đến người, người trí giả hết yêu nước phương nói của phải suy-nghĩ, cần phải đoàn-kết, cần phải hợp-tác để xây vững cái nền tảng quốc gia để khỏi gây ra cái « nồi da nấu thịt » thế nước lại gặp phải cảnh chuyên trai cô-phi thời thật là một điều đáng hổ!

NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯƠNG

MỘT TỜ CHIẾU LỊCH SỬ

ĐỨC BẢO ĐẠI ĐÃ QUẢ QUYẾT THOÁI VỊ

ĐỂ LẬP MỘT CHÍNH PHỦ DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Ngày 25-8-1945 Ngự tiền văn phòng gửi Khâm-sai Bắc-bộ Nam-bộ và các tỉnh trưởng Thanh-hóa, Vinh, Quảng-trị, Đồng-hới, Faifoo, Đà-nẵng, Quảng-ngãi, Quy-nhơn, Sông-cầu, Nha-trang, Phan-rang, Phan-thiết, Đà-lạt Djiring, Pleiku, Kontum, Banméthuột.

Tôi xin cung lục ban chiếu thoái vị của Hoàng-đế vừa ban hôm nay để các ông tuân phụng và nhờ cung lục quốc dân tuân phụng :

« Hạnh phúc của dân Việt-Nam, độc lập của nước Việt-Nam, muốn đạt mục đích ấy, Trẫm đã tuyên bố sẵn sàng hy sinh tất cả mọi phương diện và cũng vì mục đích ấy, nên Trẫm muốn sự hy sinh của Trẫm phải có bổ ích cho tổ quốc. Xét thấy điều bổ ích nhất cho tổ quốc lúc này là sự đoàn kết toàn thể quốc dân, Trẫm đã tuyên bố ngày 22 tháng 8 vừa rồi rằng trong giờ nghiêm trọng này đoàn kết là sống mà chia rẽ là chết, nay thấy nhiệt vọng dân chủ của quốc-dân Bắc-bộ lên quá cao, nếu Trẫm cứ ngồi yên mà đợi quốc hội thì không thể nào tránh được nạn Nam Bắc phân tranh, đã thống khổ cho quốc-dân, lại thuận tiện cho người ngoài lợi dụng, cho nên mặc dầu Trẫm hết sức đau đớn nghĩ tới công-lao liệt thánh vào sinh ra tử trong gần 400 năm, mở-mang giang-sơn đất nước từ Thuận-hóa đến Hà-tiên mặc dầu Trẫm hết sức bùi ngùi cho nỗi làm vua trong 20 năm trời mới gần gụi quốc dân được mấy tuần, chưa làm được gì.

Trong khi trao quyền lại cho chính phủ mới, Trẫm chỉ mong ước ba điều sau này :

1° Đối với tôn-miếu và lăng-tẩm các liệt thánh, chính-phủ mới nên xử trí thế nào cho có sự thể.

2° Đối với các đảng phái đã từng phấn đấu cho nền độc-lập quốc-gia, nhưng không đi sát theo phong trào dân-chúng, Trẫm mong chính-phủ mới sẽ lấy sự ôn-hòa xử trí, để những phần tử ấy cũng có thể giúp vào việc kiến-thiết quốc-gia và tỏ rằng chính phủ Dân-chủ Cộng-hòa nước ta xây đắp trên sự đoàn kết của toàn thể quốc dân, ích lợi cho quốc dân như lòng trẫm muốn, trẫm cũng cả quyết thoái vị để nhường quyền điều khiển quốc dân lại cho một chính phủ Dân chủ Cộng hòa.

3° Đối với quốc dân, Trẫm khuyên hết tất cả các giai cấp, các đảng phái cho đến các người hoàng phái cũng vậy, đều nên hợp nhất mà ủng hộ triệt để chính phủ Dân chủ giữ vững nền độc lập của nước, chứ đừng vì lòng quyến luyến Trẫm và hoàng gia mà sinh ra chia rẽ. Còn về phần riêng Trẫm trong 20 năm ngai vàng bệ ngọc đã biết bao ngậm đắng nuốt cay. Từ nay Trẫm lấy làm vui mừng được làm dân tự do của một nước độc lập, chứ Trẫm nhất quyết không để cho ai lợi dụng danh nghĩa của Trẫm hay của hoàng gia mà lung lạc dân chúng.

Việt Nam độc lập muôn năm »

Dân chủ Cộng hòa muôn năm. Khâm thử »

Phụng ngự ký : BẢO ĐẠI

***

Hồi 15 giờ 30 ngày 24-8-45, văn phòng của vua Bảo Đại có gửi bức điện văn sau đây cho U. B. N. D C. M. Bắc bộ Việt Nam.

« Khâm phụng hoàng đế sắc văn phòng tôi trả lời bức điện văn của quý ủy-ban rằng, Ngài vui lòng thoái vị, ngay và đã sắp đặt sẵn sàng, nhưng vì có trách nhiệm đối với lịch sử và toàn thể quốc dân, ngài muốn cho sự thoái vị của ngài có ảnh hưởng lợi cho tổ quốc, và muốn Chính-phủ mới chính thức ra mắt quốc-dân một cách rất long trọng, ngài mong ông chủ tịch Chính phủ Nhân dân Cách mạng Lâm thời gấp về Thuận hóa để ngài giao chính quyền, và ngài muốn cho ông biết ngay để làm lễ ấy.

Đồng thời, Hoàng đế lại sắc văn phòng tôi chuyển sao bức điện văn này cho nhà đương chức Nhật và Ủy-ban nhân dân cách mệnh tại Thuận hóa biết.

Hôm 26-8 U B. G. P. D. T. V. N. (chính-phủ lâm-thời) đã đánh điện cho vua Bảo-đại hoan nghênh nhà vua đã thoái vị nhường chính-quyền cho Việt-Minh là đại biểu của các từng lớp dân chúng.

Đoàn đại biểu của chính phủ lâm thời đã khởi hành đi Huế từ sáng 27-8-45.

U.B.N.D.C.M.B.B

***

Vua Bảo Đại đã trao chính quyền cho đại biểu Chính phủ Cộng hòa

Hồi 19 giờ hôm 30 8-45 tại Huế đã làm lễ thoái vị của vua Bảo Đại — Lễ cử hành tại trước Ngọ Môn — Hàng vạn người đã tới dự lễ.

Đại biểu Chính phủ Lâm thời có các ông Trần huy Liệu, Lê văn Hiền và Cù huy Cận. Ông Lê văn Hiền chủ tịch lễ thoái vị có nói vài lời về ý nghĩa lễ ấy.

Hồi 19 giờ 30, vua Bảo Đại đọc chiếu chính thức thoái vị trong máy truyền thanh và xin làm công dân của nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Ông Trần Huy Liệu nhận ấn kiếm quốc bảo và quốc quyền — Năm phát súng lệnh nổ. Cờ vàng hạ xuống và cờ đỏ sao vàng kéo lên — Ông Liệu gắn vào ngực ông Vĩnh Thụy huy hiệu cờ đỏ sao vàng để ông nhận quyền công dân.

Ông Vĩnh Thụy đã biếu chính phủ hai chiếc phi cơ và nhận làm cố vấn cho chính phủ — Ông Trần huy Liệu đọc danh sách nhân viên trong chính phủ Lâm Thời Việt nam được quần chúng nhiệt liệt hoan hô — Lễ cử hành rất long trọng và cảm động.

P. M. PHAN

TIỀN QUÂN CA

Đoàn quân Việt-Minh đi chung lòng cứu quốc
Bước chân dồn vang trên đường gập-ghềnh xa.
Cờ in máu chiến thắng mang hồn nước,
Súng đảng xa chen khúc quân hành ca.
Đường vinh quang xây xác quân thù
Thắng gian lao đoàn Việt lập chiến khu
Thề phanh thây uống máu quân thù
Tiến mau ra xa trường, tiến lên!
Cùng thét lên! trí Trai là đây nơi ước nguyền.

✤

Đoàn quân Việt-Minh đi, sao vàng phấp-phới,
Giắt giống nòi quê-hương qua nơi lầm than.
Cùng chung sức kiến-thiết xây đời mới,
Đứng đều lên, gông xích ta đập tan
Dù thây tan xương nát không sờn
Gắng hy sinh đời ta tươi thắm hơn
Từ bao lâu ta nuốt căm hờn
Võ trang đâu, lên đường hỡi ai!
Lồng chớ quên Bắc-sơn, cùng Đô-lương, Thái-nguyên.

VÂN-DUNG

Trước bàn thờ Tổ Quốc trong

Ngày Độc Lập

PHẠM-MẠNH PHAN

NGÀY mùng 2 tháng 9 1945 là một ngày đầy vẻ thiêng liêng và đũng cảm của tổ quốc !

Cố đô Thăng Long đã từng chứng kiến những cuộc thịnh suy của lịch sử đã tràn ngập trong rừng cờ đỏ sao vàng mà reo mừng trước nắng thu tươi đẹp cái ngày vinh quang ấy của đất nước

Non triệu dân Hà thành và vùng lân cận đã kính cẩn đến nghiêng mình trước bàn thờ tổ quốc cùng với nhân viên của Chính phủ dân chủ cộng hòa mà sát cánh cam kết hy sinh đến cùng để giữ vững nền độc lập Việt nam chống mọi cuộc xâm lăng của quân tàn bạo !

Non triệu trái tim đã cùng đập một điệu, đã cùng hòa hợp trong giờ phút thiêng liêng chưa từng có trong lịch sử của xứ sở.

Mọi người đều nhiệt liệt hoan hô đón chào cái kỷ nguyên mới ấy của đất nước với bao niềm ấm tuyệt với bao ước vọng của một ngày mai tốt đẹp !

Hàng triệu người như một đều đồng lòng tin tưởng ở tinh đoàn kết chặt chẽ, ở chí phấn đấu cương quyết của cả một dân tộc đồng lòng đòi quyền sống tự do dưới một ánh mặt trời cao rộng.

Hàng triệu người đã ôm nhau cam kết mạnh mẽ giữ vững nền độc lập để cùng nhau thờ lý tưởng : Chết vinh còn hơn sống nhục !

***

Trước bàn thờ Tổ quốc, trước làn khói hương ngát mùi người đều hồi tưởng đến những bậc anh hùng cứu quốc đã từng vào sinh ra tử, hy sinh biết bao xương máu cho non sông trong những ngày tàn bạo.

Trước sức mạnh của quân thù tàn định giày xéo lên giống nòi Hồng Lạc, các bậc tiền tổ trí khí hiên ngang đã từng uống máu quân thù không cùng kẻ địch độc trời chung một lòng nặng vì nước mà coi mình làm nhẹ.

Trải những cơn mưa gió nặng nề, non sông đất Việt đã từng bao phen tắm máu quân thù.

Bọn thống trị Pháp với cả dã tâm của quân chiến thắng, lấy sức mạnh của súng đạn đã thẳng tay đàn áp : trong chốn âm u của ngục thất, ngoài cảnh hoang tàn của Côn đảo, những chiến sĩ vô danh vì chiến đấu cho nền độc lập mà phải bỏ mình nơi bìu quạnh cam chịu cho số phận đầu tàn

Những bực anh hùng, không chịu ép mình khuất phục kẻ thù đã phơi thây nơi chiến địa : máu đã chảy, xương đã tan, đầu đã mất !

Trong Ngày Độc lập, những anh hồn ấy nhu còn phảng phất đó đây trên nhành cây ngọn cỏ !

***

Vận nước đã đổi thay.

Giang sơn đất Việt với « Ngày Độc lập » đã quay về với cố chủ.

Nhưng kẻ địch vẫn làm le nuôi cuồng vọng trở lại đất này.

Trước nạn xâm lăng đe dọa, mọi người trong « Ngày Độc lập » đã cam kết cùng nhau sống chết giữ vững nền tự chủ hoàn toàn.

Thái độ cảm động và quyết tâm cả cảnh trên dưới một lòng tha thiết nặng lời thề

« Chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa do Quốc dân đại biểu đại hội cử lên, xin thề rằng :

(Xem tiếp trang 18

36 70 *Ung-hòe* NGUYỄN VAN-TỐ

XXXIX. — Lý Anh-tông

Ngày mồng một tháng mười, năm mậu-ngọ 1138 hoàng-thái-tử Thiên-tộ lên-ngôi hoàng-đế ở trước cửu Lý Thần-tông (1127—1138). Lúc bấy giờ Thiện-tộ mới lên ba, mẹ là Lê thái-hậu thùy liêm thính-chính, đổi niên hiệu là Thiệu-minh và đại xá thiên-hạ (*Đại-Việt sử-ký, toàn thư*, q. 3, tờ 42 a).

Cùng năm ấy (1138) họp quần-thần minh-thệ ở điện Thiên-an (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 34 b), sai sứ sang nhà Tống cáo phó (*Toàn-thư*, q. 3, tờ 42 a). Sang năm sau (1139) sứ nhà Tống sang sách phong vua Lý Anh-tông làm giao-chỉ quận-vương.

Anh-tông lên ngôi, tôn mẹ là Cảm-thánh phu-nhân làm hoàng thái-hậu. Nguyên xưa em Đỗ thái-hậu (vợ Sùng-hiền-hầu, mẹ Thần-tông) là Đỗ Anh-vũ, trạng mạo tốt đẹp, khéo múa hay hát, tám tuổi tuyển bổ Thượng-lâm tỉ-đệ, mười sáu tuổi Thần tông nhà làm nội thị duy-ốc. Lê thái-hậu (vợ Thần-tông, mẹ Anh-tông) trông thấy đẹp lòng. Năm 1140 Lê-thái-hậu thăng Đỗ Anh-vũ chức cung-điện lịnh đi nội-ngoại sự. Anh-tông còn nhỏ, không biết Anh-vũ là ý-trung nhân của Lê thái-hậu, nên việc lớn việc nhỏ đều giao cho Anh-vũ (*Khâm-định*, q 4, tờ 35 a và *Đại-Việt sử-ký cải-lương*, q. 2, tờ 35 b).

Anh-vũ ra vào cung cấm sinh kiêu, ở chốn triều-đình giơ tay to tiếng, chỉ trỏ (cỉ lấy tay trỏ, miệng không chịu nói) giận dữ người đều nghiêng mà không ai dám nói. Vào khoảng tháng 10 năm 1150 chức điện-tiền chỉ huy-sứ là Vũ Đái cùng Trị nhân-vương (không rõ tên), Bả-ninh-tầu (không rõ tên) và phụ-mã-lang là Dương Tự-minh bàn mưu đến bắt; đã định sẵn sàng, bọn Vũ-Đái đem quân đến cửa thành, hô tô lên rằng: « Anh-vũ ra vào nơi cung cấm, tiếng xấu đồn ra tận ngoài, tội nặng lắm, bọn chúng tôi xin trừ trước đi ». Vua nghe tiếng xuống chiếu « cho cấm quân bắt Anh-vũ, trói ở nhà lang tả-hưng-thánh, rồi giao đình úy xét việc ấy ». Thái-hậu sai người đem cho rượu thịt, ngầm đồ vàng ở trong đồ ăn, bảo lo lót với bọn Vũ-Đái và giám-thủ. Nghe thất thế, chức hiệu-đầu ở tả hưng-thánh là Nguyễn-Dương nói rằng: « Các người tham của đút, thì rồi ta cùng các người không khỏi chết về tay Anh-vũ, chi bằng giết trước đi, để khỏi lo về sau », bèn cầm gươm toan đâm thì chức tả-hưng-đô là Đàm-dĩ-mông cướp lấy giáo ngăn rằng: « Điện tiền bảo Anh-vũ tội đáng chết, nhưng nên đợi mệnh vua, không nên tự ý giết ». Nguyễn-Dương tức giận, chửi rằng: « Điện-tiền là Vũ cứt, chứ không phải Vũ-Đái. Sao tham của đút của người ta mà không tiếc tính mệnh ». Nói đoạn, tự bảo rằng sau không khỏi chết về tay Anh-Vũ bèn nhảy xuống giếng tự tử.

Sau vua giam Anh-vũ ở ngục, kết tội đồ-nhi (tội đồ); thái-hậu lo buồn, nghĩ cách gỡ tội, thường đặt ra những bội lớn để tha tội nhân, mong Anh vũ cũng được tha. Quả nhiên Anh-vũ vì thế được tha, lại được làm thái-úy phụ-chính như cũ. Từ bấy giờ Anh-vũ lại càng được sủng hạnh, họa phúc sinh sát đều do tay hắn, ngày ngày chỉ chăm về việc báo oán (*Khâm định*, q. 5, tờ 2a đến 3b).

Trước hết muốn đánh đổ bọn Vũ-Đái tự dâng hơn một trăm thủ-hạ làm phụng-quốc vệ-đô, giao cho việc đi bắt phạm-nhân, mật tâu với vua rằng: « Ngày trước bọn Vũ-Đái thiện tiện đem cấm quân đột nhập quyền-định: không tội gì lớn hơn, nếu không trừ sớm sợ ngày sau sinh biến, chưa biết chừng ». Vua y lời tâu, sai phụng-quốc vệ-đô đến bắt bọn Vũ-Đái giao xuống cái quan tỉ tội, giáng Trị-

(Xem tiếp trang 10)

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

36 6

TRÚC-KHÊ

Ông Vũ nói thế là vì thấy ông Phan vẫn tự nghĩ mình là người Nam kỳ đầu tiên thi đỗ đại khoa, thường có cái ý muốn sau này được phối hưởng vào Văn-miếu, vì vậy định nói để khích-động. Ông Phan nghe xong im lặng, lúc lâu rồi phan nàn :

Khốn nhưng không thể làm gì được.

Sau mấy tháng ông Phan lại bỏ mất ba tỉnh mà chết.

Khi đã tựu chức, được lúc nhàn rỗi Võ Phạm Khải lại thu dạy học trò, bọn Ngô Qúy-Đồng, Lê-Đại, Phạm như Xương, Nguyễn văn Giảng, Dương Thụy, Nguyễn Mân, Nguyễn văn Lâm, Nguyễn văn Huy, Lê văn Hành, Nguyễn Đình, Nguyễn văn Hoán (1) đến theo học có tới hàng trăm, các bậc thân công đại thần cũng thường cho con đến thụ nghiệp. Ông bèn cứ nửa ngày đọc sách, nửa ngày làm việc quan, đêm khuya thì ngồi chấm văn bài, bàn rượu ấm chè, tùy theo thích muốn, quên cả cảnh huống làm một chức quan rất tẻ lạnh.

Bấy giờ trong quán, những bạn cùng làm chức Toản-tu là các ông Phan văn Nhã, Trần Liên Huy, Phạm Huy, Phạm Huy-Đức ; thuộc viên là các ông Trần hữu Dực, Phạm huy Bình, Lã năng Hoằng, Lê Cơ, Phan văn Lịch ; còn các ông Trần tiễn Thành Phan Huy-Vịnh thì là chánh phó Tổng tài. Các quan lớn ở kinh như bọn các ông Phạm phú-Thứ, Nguyễn văn Bình, Võ trọng Bình Nguyễn Tư-Giản, Trần hy Tăng v. v. đều lấy thơ văn, chính trị, cùng đi lại chơi bời thân mật. Một hôm vua phê bỏi về thể cách thơ văn và sự khác nhau của cổ văn với lâm văn, ông lần lượt đáp phúc và lại nói :

— Thơ văn của người xưa đều là ghi chép sự thực. Có cái chí đánh dẹp của vua Tuyên vương nên thơ Thường-võ làm thơ Nhã, có cái việc hùng võ của vua Âu Cao nên thơ Âu-võ làm thơ Tụng có cái việc dùng binh mật cách anh đoán của vua Đường Thái-tông nên bài Bình Hoài mới làm bia làm văn, đó đều là thơ văn dùng để ghi chép sự thực cả.

Bè bạn có người cười những câu nói đó là nói mạn, ông đáp rằng :

— Ngày nay ngoài biên cương lâm việc, đã không bày ra được một kế sách gì, há nên còn đem hư văn để làm chia lòng lo tính của đức Hoàng thượng ư ?

***

Năm thứ 19, Võ phạm Khải vẫn làm Toản-tu ở Sử quán, cùng bạn đồng quán soạn xong bộ *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ*, tức là bộ sử chép về đời đức Thánh tổ Nhân hoàng-đế. Hoàng thượng ban cho yến ẩm và thưởng cho rất nhiều cùng Kim-tiền ngân-tiền nhớn nhỏ.

Ngài lại bị ông duyệt những bài thơ ngự chế và truyền cho tiến trình nhưng thơ văn ngày thường làm ra. Ông lựa những bài thơ bài văn thiết với thời chính mỗi thứ mươi bài dâng lên. Lại phụng tiếp được hai bài luận Chấp-trệ và Ngụy Trưng, thơ 18 bài, Bạch đầu ngâm 1 bài, đều là những thơ văn ngự-chế trao cho duyệt lại.

Tính ông nói năng thường không dè dặt, dễ mất lòng người, vua Dực tôn biết rõ như vậy, nên một lần ngài nhân phê cho vào cung chiếm ở nhà Duyệt thị, có ban lời dụ rằng :

— Nhà ngươi tuổi đã già, tính nên thuần thục chẳng những ở nơi công-hội nên thế mà trong sự ăn ở với mọi người cũng cần phải thế

(1) Bọn này sau đều đỗ Tiến-sĩ, Cử-nhân hoặc Tú-tài

Ấy ngài muốn vì ông giữ cho được vẹn vẽ như vậy.

Sẵn cả viên tướng Pháp từ Gia - định đến kinh, đòi ta cắt nhường cõi đất ba tỉnh Vĩnh - long, An-giang và Hà-tiên, việc giao ra đình nghị, ông Khải cũng tham dự. Các thân-công đại-thần đều nương vào ông, đòi ông phải phát biểu ý kiến. Ông nói:

— Lũng giặc tham lam không chán, ta đã trót lầm lỡ một lần, há còn nên lầm lỡ đến lần thứ hai; nhất định không nên cho chúng nó.

Các quan nói:

— Nếu đánh thì nên như thế nào cho được vạn toàn?

Ông nói:

— Phải ở trong vòng vạn nguy vạn chết mới làm ra được cuộc vạn toàn, chứ tôi chưa nghe chịu ngồi bó tay mà nói có sự vạn toàn được.

Quan Ngũ quân Đô-thống Đoàn Thọ hỏi:

— Nhưng họ có tàu có súng, mình làm thế nào chống lại được?

Ông nói:

— Thế nước Pháp với nước Phổ thì sao?

Rồi ông quát lớn:

— Ngày thường tôi có bao giờ nhờ các ông làm thơ hộ không, sao lúc có giặc các ông lại cứ hỏi rầy rà đến bọn văn nhân? Chiến-sĩ đời xưa không nói hòa, chiến-sĩ đời nay chỉ một vệt nói hòa, quan võ đời xưa không sợ chết, quan võ đời nay chỉ một vệt sợ chết, sao mà đời nay lại khác hẳn đời xưa như vậy?

Nói xong ông Khải khóc ầm lên, khiến cho cả triều đều ngậm ngùi ủ rũ.

Năm ấy ở kinh đô có loạn Đoàn Trưng, Đoàn Trực, ông nghe biến, họp các bạn đồng quán để bàn rồi thân đến gõ cửa khuyết, cửa đóng phải quay về, không bao lâu thì trong hoàng - thành đã bắt được cả bọn quân giặc.

Mùa đông năm ấy, vua sai phúc kiểm bộ Tu-ngự văn-quy, ông thở dài mà rằng:

— Có lẽ giời đã định cho ta cứ làm việc văn đến già đời chăng?

***

Năm thứ 20 ông Khải cùng các bạn đồng quán khởi thảo bộ Thực-lục chính - biên đệ - tam kỷ, lại phụng soạn những nhạc - chương dùng khi tế Giao đã Mễu. Chưa bao lâu, phụng sai ra làm phó chủ-khảo ở trường thi hương Hà - nội. Bấy giờ ở các trường thi, sĩ tử nếu bị quan trường đối đãi khắc nghiệt, hay gây ở cuộc náo loạn, vì thế quan trường đối với sĩ tử, thường coi như đoàn quân địch. Ông Khải là người vốn được sĩ tử mến tiếng, nên những sự náo loạn không hề sẩy ra. Việc trường thi xong, các quan chánh phó chủ khảo cùng họp lại với mấy đại thần là Đào Trí, Tổng-đốc Hà-Ninh, Nguyễn Bá-Nghi, Tổng-đốc Sơn-tây, Phạm Chí - Hương, Tổng đốc Bắc-ninh, mở một tiệc rượu ở Hà-nội rất vui vẻ, người ta truyền là Long-thành - hội. Trong tiệc, có làm nhiều thơ từ xướng họa. Bài thơ của ông Khải có hai câu này rất xuất sắc:

Ngâm biên kỳ cổ tam nguyên soái,
Tọa hữu cầm tôn nhất tản quan.

Nghĩa là; Cờ trống trong cuộc ngâm thơ có ba nguyên soái (trỏ ba quan Tổng-đốc), cùng đàn chén rượu ở bên chỗ ngồi có một viên quan nhàn tản (trỏ vào mình).

Nhưng cảm khái về thời thế khiến ta xem phải sửng động thì là bài thơ của quan Tổng đốc Bắc-ninh:

Mạn ngôn thế sự nhược sơn hà,
Biệt hậu tương phùng cảm khái đa.
Bút hạ tinh hoài nan lũ lũ,
Tôn tiền mỹ mãn các ba ba.
Bắc biên kỷ độ lao phi vũ
Nam khiếu hà niên tẫn khải ca?
An đắc thanh bình vô đề sự,
Long biên vị yểm bách hồi qua.

Nghĩa là: Người ta thường nói phiếm rằng việc đời như núi với sông sau khi chúng mình xa cách nhau, nay gặp gỡ đây biết bao nỗi cảm khái. Dưới bút không thể đem hết tình hoài mà tả ra được, trước chén nhìn xem tóc râu mọi người đều đã bạc phơ. Nghĩ đến việc nhà nước lúc này thật có nhiều nỗi đáng buồn: ở biên cương miền bắc mấy lần bay vũ bị hỏng ràng, ở bờ cõi phía nam, bao giờ có tiếng quân hát mừng là đã đánh đuổi được giặc Pháp nước nhà thái bình không có sự gì cả, thì đất Long - biên đâu qua chơi trăm lần cũng chưa thấy chán.

(Còn nữa)

TRỌC-KHÊ

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 7)

minh-vương làm tước hầu Bảo-ninh-hầu làm tước minh-tự Bảo-thắng-hầu làm phụng chức, bọn Vũ-Đái hai mươi người chém rồi bêu đầu ở các ngọn sông, bọn Đồng-Lợi (làm chức hỏa dầu vệ Ngọc-giai) tám người chém ở chợ tây, bọn Dương-tự Minh ba mươi người đầy ở chỗ nước độc các vỗ-châu các người dự mưu đều bị tội đồ (*Khâm-định*, q. 5, tờ 3 b đến 4 a).

Vừa khi ấy Nguyễn-Quốc đi sứ nhà Tống về, nói rằng: «Ở sân điện nhà Tống có cái hòm đồng để nhận những tờ tâu của bốn phương, xin bắt chước làm để đạt được tình người dưới». Vua nghe theo, đặt một cái hòm ở sân điện, cho ai có việc cứ viết thư bỏ vào trong ấy. Một hôm có cái thư nặc-danh nói Anh-Vũ làm loạn. Anh-vũ ngờ Nguyễn-Quốc viết thư ấy, vu hãm cho Nguyễn-Quốc phải tội, đầy vào trại Thanh-hóa. Chưa được bao lâu, vua vời Nguyễn-Quốc về, Anh-vũ lấy rượu có thuốc độc đưa cho, Nguyễn-Quốc liệu không thoát được, uống thuốc độc chết, hồi tháng hai năm 1158 (*Khâm định*, q 5, tờ 9 a b).

Vào khoảng tháng mười năm 1140, có người xem bói tên là Thân-Lợi tự xưng là con Lý Nhân-tông đem đồ đảng đến châu Thái-nguyên, ra châu Tây-nông, qua châu Lục-linh, vào chiếm châu Thượng-nguyên, châu Hạ-nông, chiêu tập những đứa vong mệnh, mộ bọn binh mưu việc làm loạn, tự xưng Bình-vương lập bậu-phi, phong vương-tôn, những bè đảng đều được quan tước. Lúc bấy giờ đảng của Lợi chỉ hơn nghìn người đi đến đâu đều nói dao lên rằng Thân-Lợi khéo binh-thuật, hai bên khe động duyên biên, đều chấn động sợ hãi, không ai dám chống cự; thư ở biên giới gửi về cáo cấp. Tháng 2 năm 1141 vua sai gián-nghị đại-phu Lưu-vũ-Di đi đường lục, thái-phó là Hứa-viêm-Do đi đường thủy, đem quân tới đánh Bộ-tướng của Lưu-vũ-Di là bọn Tô-Tiệm và Trần-Thiềm tiến lên trước, gặp thủy quân của Thân-Lợi, hai bên đánh nhau Trần-Thiềm bị thua chết. Thân-Lợi đắp ải Bắc-nhự để chống cự: Lưu-vũ-Di hết sức đánh mới hạ được, tiến đến Bồ-đình, Thân-Lợi thả quân thủy ra đánh, Lưu-vũ Di thua, tướng sĩ chết quá nửa, bèn thu quân về.

Tháng tư năm ấy Thân-Lợi ra giữ Tây-nông, đem người các chỗ Thượng-nguyên Tuyên-hóa, Cảm-hóa, Vĩnh-thông đến đóng phủ Phủ-lương, hãm được, bèn vào giữ phủ-thành, cùng đồ đảng mưu cướp kinh-sư. Vua sai Anh-vũ đem quân đi đánh. Lúc bấy giờ quân Thân Lợi tiến đóng ở Quảng-dịch, gặp quân Anh-vũ đánh nhau rất lớn. Quân Lợi thua, chết không biết bao nhiêu mà kể, bắt được đảng của Lợi là Dương-mục thủ-lĩnh châu Vạn-nhai, và Cù-ái thủ-lĩnh động Kim-kê. Thân-Lợi trốn chạy đến châu Lục-linh, vua lại sai Anh-vũ đi đánh, bắt sống được hơn hai nghìn người. Lợi chạy về Lạng-châu: Vua xuống chiếu cho Tô-hiến-Thành đem quân đuổi theo, bắt sống được Thân-Lợi đưa cho quân Anh-vũ đóng cũi đưa về kinh sư, giao xuống các quan luận tội chém, Lợi và hai mươi người đồng mưu chết chém, ngoài ra theo thứ tự luận tội nặng nhẹ, (*Khâm định* q. 4, tờ 35 b đến 38 a).

Hơn bốn trăm người bị hiếp tòng, đều phải vãng đi đầy. Tháng mười hai năm sau (1142) Tô-hiến-Thành nói với vua, rằng «Đảng Thân-Lợi khởi loạn, giết nhiều quan quân, bệ hạ chỉ làm tội hai mươi người, là nhân rất mực. Nhưng vua Nghiêu vua Thuấn truyền cho nhau hơn trăm năm, mà chỉ đày có bốn kẻ dữ. Nay đầy đến hàng trăm người, há có phải bản tâm của Bệ hạ thế đâu: tôi xin tha, để cho người ta được khắp ơn trạch, thì cái lòng nhân của Bệ hạ hợp với Nghiêu Thuấn». Vua nghe theo, xuống chiếu tha tội cho đồ đảng của Thân-Lợi (*Khâm định*, q. 4, tờ 39 b 40 a). Tháng tám năm ất-sửu 1145, người nhà Tống (*Toàn-thư*, q. 4. tờ 5, chép là yên-nhân; *Khâm-định*, q 4, tờ 41 a chép là thổ-nhân) là Đàm-hữu-Lượng trốn vào Châu Tư-lang (nay huyện Thượng-lang, huyện Hạ-lang, thuộc tỉnh Cao-bằng) tự xưng Triệu-tiên-sinh, nói dối là đi sứ, chiêu dụ những dân xung quanh biên giới và các khe động. Hữu-Lượng giữ đất Thông-nông (nay tổng Thông-nông, châu Thạch-lâm, tỉnh Cao-bằng) đem đồ-đảng vào cướp bóc châu Quảng-nguyên (nay châu Quảng-uyên, thuộc Cao-bằng) gặp lúc ấy chức kinh lược sứ-tỷ lộ Quảng-tây đưa thư xin bắt Hữu-Lượng. Vua Lý Anh-tông xuống chiếu cho phụ-mã-lang là Dương

tự-Minh, văn-thần là Nguyễn-nhữ-Mai và Lý-nghĩa-Vinh đi đánh. Chưa được bao lâu, vua Lý lại sai thái sư là Mâu-du-Đô đem các quân ở xung quanh biên giới đi đường bộ để kế tiếp đến đánh. Lúc bấy giờ Dương-tự-Minh đã bắt được châu Thông-nông, bắt được đồ-đảng của Hữu-Lượng là bọn Bá-Đại hai mươi mốt người, duy Hữu-Lượng chạy thoát, trốn ở trong khe núi. Vua Lý xuống chiếu cho quản-quân-sứ là Nghĩa-Vinh quản áp bọn Bá-Đại giao giả nhà Tống. Trước đây quan châu Đông nói dối là có cáo-sắc (của Lưu cho làm quan) để mời Hữu-vương. Hữu-Lượng cho là phải, cùng với thủ lĩnh châu Tư-minh hơn hai mươi người đem ấn-đồng, địa đồ và đồ thổ sản theo về nhà Tống, đi đến trại Dương sơn, thì chức thủ châu Ung là Triệu Nguyện bắt Hữu Lượng và đồ đảng ông cho súy-ty. Người Tống thấy trong đảng có Dương-Ư thích con rồng đen ở bụng và thủ-lĩnh Đồ-châu năm người, biết là người nước Nam ta, đều giả về (*Toàn-thư*, q. 4, tờ 5 a-b). *Khâm-định* (q. 4, tờ 41 b) chép chức thủ Ung-châu là Triệu-Nguyện bắt đưa về súy-ty chém đi.

Tháng chín năm canh-ngọ 1150 quân Chân-lạp vào ăn cướp nước ta, đến núi Vụ-thấp, châu Nghệ-an, gặp nắng mưa, nhiều chướng-khí, quân tự nhiên vỡ *Khâm-định*, q. 5, tờ 1 a).

Khoảng tháng mười năm nhâm-thân 1152, người nước Chiêm-thành là Ung-minh-tá-điệp đến cửa quyết, xin mệnh-lệnh của vua Lý để làm vua nước Chiêm. Vua Lý ban chiếu cho chức thượng-chế là Lý-Mông đem hơn năm nghìn người ở phủ Thanh hóa và châu Nghệ-an đưa Ung minh-tá-điệp về nước, lập làm vua. Bọn Lý-mông đến Chiêm-thành, bị vua Chiêm là Chế-bì-la bút (Jaya Harivarman I) chống cự, Ung minh tá điệp và Lý Mông đều chết (*Khâm-định*, q. 5, tờ 6 a).

Tháng ba năm bính-tuất 1166, sứ Chiêm thành đi đến châu Ô lý (nay Quảng-trị Thừa thiên), lấy quân phong-thủy (ma sư) qua bể cướp những tiều nhân ở bãi bể của ta rồi về (*Toàn thư*, q 4, tờ 14 b).

Tháng bảy năm sau (1167) Vua Lý sai Tô-hiến-Thành đi đánh Chiêm-thành ((*Toàn-thư*, q. 4, tờ 14 b). Quân Tô-hiến-Thành đến nước Chiêm, đưa thư cho vua Chiêm, trách là không sửa lễ phiên-thần, lại bày tỏ lợi hại để chiêu dụ. Vua Chiêm sai sứ dâng trân-châu và phương-vật xin hòa. Vua Lý y cho, xuống chiếu cho Hiến-Thành thu quân (*Khâm-định V. s.* q. 5, tờ 13 b).

Tháng năm năm kỷ-mão 1159, nước Ngưu-bống và Ai-lao vào ăn cướp nước ta, Vua Lý sai Tô hiến-Thành đem quân tiến đánh, bắt được người và trâu, ngựa, voi, vàng bạc, châu báu rất nhiều. Tô-hiến-Thành vì có công được phong thái-úy (*Toàn-thư*, q. 4, tờ 13 a).

Tháng mười một năm tân tỵ 1161 Lý Anh-tông sai Tô-hiến-Thành làm đô-tướng, Đỗ-an-Di làm phó-tướng, đem hai vạn quân đi tuần cõi tây nam và các xứ nam bể, để yên trị chốn biên-thùy, vua thân đưa đến cửa bể Thần-đầu (tức Thần-phù) rồi về (*Khâm-định* q. 5, tờ 11 a).

Năm tân-mão 1171 Vua Lý muốn biết dân-tình tật-khổ và đường bể xa gần, bèn đi tuần đường bể khảo xem hình-thế núi sông (*Khâm-định* q. 5, tờ 15 a). Đến tháng hai năm sau (1172) lại đi tuần đường bể và cõi nam bắc, vẽ địa-đồ ghi chép phong-vật *Toàn-thư*, q. 4, tờ 15 b).

Đấy là những việc đối với các nước nhỏ và những châu quận trong nước. Còn việc thông sứ với nước Tàu, thì năm tân-tỵ 1161 gặp kỳ tuế công, vua Lý Anh-tông sai đem thuần tượng cho nhà Tống, vua Tống bảo đại-thần rằng: « Trẫm không muốn lấy giống thú lạ mà làm nhọc người ở xa », nên sai súy-thần dụ rõ cho sứ-bộ biết rằng: từ lần sau bất tất đem voi sang cống (*Toàn thư*, q. 4, tờ 13 b).

Cách hai năm sau là năm giáp-thân 1164 vua Tống phong vua Lý Anh-tông làm An-nam Quốc-vương, đổi Giao-chỉ làm An-nam quốc (*Khâm-định* q 5, tờ 12 a): Người Tàu gọi ta là nước An-nam, bắt đầu từ đấy.

Sử ký của Ngô thì Sĩ chép rằng: « Nhà Tống từ khi thiên-đô về phía nam, mỗi lần cống-sứ của ta đến tất do Quảng-tây giao nhận, sứ-giả của ta chưa từng đến kinh-đô Tàu. Đến năm giáp-thân 1164 Vua ta viết thư sang nhà Tống, xin cho sứ-giả ta đến cửa quyết; vua Tống y cho. Theo lệ cũ, cống bộ chưa từng đủ ba sứ-giả, vua Lý Anh-tông cho trung-vệ đại-phu

(Xem tiếp trang 14)

Ta phải chống lại lối tuyên-truyền man trá của bọn thực dân. . .

DÂN TỘC VIỆT-NAM

RẤT ĐỦ TƯ CÁCH ĐỂ TỰ TRỊ

NHỮNG KHẢ-NĂNG CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

Số 2

VŨ-BỘI-LIÊU

« *Họ rất chăm-chỉ, ông ta viết lại thêm thông-minh rất mực, bọn người Đông-phương này khám phá dễ dàng như trẻ đùa những bí mật của nền học-vấn kiêu kỳ của ta, rồi đến lúc trở về nước, họ bảo nhau : « Văn minh của chúng chỉ có thế thôi à ? Ở xa tưởng là ghê gớm lắm, hóa ra đến gần chẳng có quái gì »* (Très travailleurs et par surcroît très intelligents, ces Asiatiques dé brouillent comme en se jouant les mystères de notre orgueilleuse science, puis retournent dans leur pays en disant : « C'est tout cela leur civilisation ? De loin cela paraît formidable, et de près ce n'est vraiment pas grand' chose ».

Dưới đây là mấy câu chuyện do người ngoại quốc kể lại để chứng-tỏ cho trí thông minh phi thường của người Việt Nam :

Vua Gia-Long — theo nhời cố Lelabrousse, làm chức linh mục ở miền phận Nam bộ vào hồi cuối thế kỷ thứ 18 — có một trí khôn nhanh nhẹn, thấu suốt, một khiếu nhớ lạ lùng. Nhà vua mua một chiếc tầu tây đã cũ, đem về tháo tung ra từng mảnh để xem cách chế tạo, rồi ngài tự tay ráp lại y như cũ. Không những thế, ngài lại trông nom cho thợ đóng luôn ba chiếc chiến thuyền mới nguyên, mỗi chiếc có thể chở 300 thủy binh, và đặt 26 cỗ súng đại bác, có chiếc đặt tới 36 khẩu. Rồi sau này, ngài lại tự đứng ra điều khiển một trong mấy chiếc chiến-thuyền ấy.

Cả đến các binh khí, những thần công đại bác đả hạng, những xe chở súng, những viên đạn lớn nhỏ, đều do tay thợ bản xứ chế tạo ra cả.

Rồi cố Lelabrousse kết luận :

« *Người ngoại-quốc đến xem những xưởng đóng chiến thuyền ấy phải động lòng kính phục, nếu cả Âu Châu được trông thấy, thì cả Âu Châu cũng phải khen ngợi* ».

Đức thầy Bá đa Lộc nói về vua Gia Long, cũng viết : « *Ông vua ấy vì để đứng đầu một nước bên Âu Châu cũng không phải là không xứng đáng* » ?

Và theo ông Đào Trinh Nhất, cách đây hơn 200 năm, nước mình đã tự chế tạo lấy được đồng hồ máy, bắt chước kiểu tây. Cố Bénigne Vachet lại kể rằng dưới đời chúa Hiền (1648-1687) một người thợ kim hoàn không biết tí gì về cơ khí, và không có qua một thứ máy móc nào cả, đã phỏng theo một chiếc đồng hồ báo thức ở Âu Châu mới đem sang, mà chế tạo được một chiếc đồng hồ khác, giống hệt cái trước, giống quá đến nỗi cố Vachet nói — « trông không thể phân biệt được cái cũ với cái mới, giá như không phải chính mắt nhìn thấy, thì tôi tưởng như mình mê ngủ. Mà hai cái đồng hồ lại chạy đúng như nhau ».

Người ta lại còn nói Hồ nguyên Trừng, con Hồ quý Ly, một người giỏi về khoa học, là người thứ nhất phát minh ra súng (7), và được người Tầu rất thán phục.

Gần đây nữa, ông Võ duy Thanh, người đời vua Tự Đức, là người đầu tiên đã hiểu công dụng của than đá, và đã tâu vua xin tìm ngay cách khai thác những mỏ than ở Quảng yên, nói đó là nguồn lợi lớn của nước nhà. Nhưng tiếc thay, nhời đề nghị của ông không được nhà vua để ý tới, và nghe theo ông lại còn chế ra một thứ lầu ngầm đặt tên là « thủy-xa-mộc-thành », rồi cùng ông Bùi Viện đem ra cửa bể Thuận An cho quân lính tập thử. Hình như, kết quả cuộc thí nghiệm ấy rất là mỹ mãn, ông đã thảo một lá sớ tâu vua về việc đó, cùng với bầy phương sách cải cách chính-trị quân sự; nhưng chưa kịp đăng vua thì mất! Sau này tờ di thảo ấy đệ lên, vua Tự Đức bau khen, chân phê giao cho con cháu hãy tạm lĩnh về giữ lấy, để sau lục dụng, vì cho là những việc ấy chưa cần làm!

Trí thông minh của người Việt nam lại còn tỏ rõ hơn nữa trong một công trình vĩ đại của đảng Cần vương: *thành Ba đình do Đinh công Tráng xây bằng đất, trên mặt đắp bùn, đã chống lại được với những đoàn quân lính Pháp tinh nhuệ đủ khí cụ tối tân, dông dã mấy tháng trời,* Trong thành chỉ có ba trăm quân lính — sau này đến một nửa bị sốt rét và tê liệt — thế mà mấy trăm quân Pháp tấn công, địch quân đều bị nếm mùi thất bại.

Sau mấy lần đại bại đầu tiên, hai đại tá Metz và Dods đành phải thúc thủ và nghỉ chỉ còn cách vây thành trong khi đợi quân cứu viện: họ xin rút quân tất cả các đồn, mỗi nơi một nửa, để thu vào Thanh Hóa, xin phái một đội hải quân pháp ở Trung Hoa sang giúp và mượn cả những đại bác của hải đội ấy để rồi đem dàn ra mặt trận.

Sang tháng giêng 1887, đạo quân đánh Ba Đình gồm tất cả là 76 tướng pháp, trong số ấy có Joffre (hồi ấy đang đóng đại úy) và 3530 tên quân. Còn về binh khí, thì không kể súng trường và súng lục, hai thứ ấy nhiều vô kể, đạo quân lại có thêm 25 « hầu đại bác triệt thành. Ngoài ra, trên mặt sông, chung quanh Ba Đình, bốn chiếc chiến hạm luôn luôn đi tuần tiễu.

Tuy vậy, trận ấy quân pháp cũng bị thua to. Kết quả, hai tướng tử trận, bốn tướng bị thương, 47 người vừa hạ sĩ quan, vừa lính pháp hoặc bị giết, hoặc bị thương, ấy là chưa kể những cơ lính pháo thủ bắc kỳ, và lính ả rập, chết cũng nhiều.

Và đến nửa tháng sau, Ba Đình mới bị hạ: khi thành lọt vào tay quân Pháp, thì quân Đinh công Tráng đã phá vòng vây trốn thoát 1).

II

Tập điều-trần của Nguyễn trường Tộ hay là: Một bài học cho bọn thực-dân.

Những người Pháp hào còn yên-trí rằng không có họ, ta không sao tới được cái trình độ hiện thời, đã tự-phụ một cách nực cười! Trái lại, họ đã kìm-giữ ta trên con đường tiến-hoá, và vì như không vì « một sự tình-cờ của lịch-sử » (!) mà họ bước chân tới đất này, thì có nhẽ ta đã chiếm được một địa-vị quan-trọng trên bờ bể Thái-bình-dương Cứ việc lấy một nước Thái-lan ra làm bằng chứng: *Cái nước Thái-lan vẻ vang ngày nay xưa kia vẫn phải e-sợ người Việt-nam, và mỗi một lần họ kéo quân sang nước ta, hay sang uy-hiếp Cao-mên — hồi ấy vẫn được ta bảo vệ — là lại bị quân mình đánh cho thua xiểng liểng, và sau cùng phải xin hoà, và ký hoà ước với ta!* (năm 1846)

Cách đây tám mươi năm, một nhà nho sáng-suốt, một bực vĩ nhân của nước Việt-Nam, ông Nguyễn trường Tộ, trong nhiều bài điều trần chan chứa niềm yêu nước, đã phác ra một chương-trình cải-cách lớn lao. Đọc những lời-lẽ thống-thiết của vị bác học ái-quốc ấy, ta thấy một nỗi hờn man mác tràn ngập cả tâm hồn: nước Việt-Nam đã sản-suất được một bậc tài-trí như thế, mà triều-đình hồi đó không biết thu-dụng, để đến nỗi lâm phải cảnh vong-quốc đau-đớn sau này!

---

1) Theo ông Đào trinh Nhất, trong cuốn « Việt sử giai thoại ».

1) Xem quyển « Ba đình » của Phan trần-Chúc.

Cái học của Nguyễn trường Tộ bao-quát cả các môn khoa-học, văn-chương, thiên-văn, địa-lý, sử ký, địa dư, thương-mại, kinh tế, rồi đến cả chính-trị, binh-pháp, ngoại-giao, tiên sinh đều thông hiểu. Tiên-sinh lại còn là một kiến-trúc-sư có tài, và thạo cả nghề tìm mỏ và đào sông. Vấn đề gì tiên-sinh cũng biết rõ ràng, công việc gì tiên-sinh cũng cam-đoan tự đứng lên đốc-xuất, vì « *ông hiểu thấu các then chốt cơ-khí từ các máy nhỏ như máy đồng hồ, đến bộ máy lớn như máy tàu, máy đúc* ».

Đọc những lời đề-nghị xác-đáng của tiên-sinh mà tôi sẽ tóm-tắt dưới đây (1), ta sẽ thấy công cuộc của người Pháp trên đất nước này không có gì là tot-tát, lạ lùng cả : không có họ, ta cũng có thể thực hiện được những việc họ đã làm mà còn hơn thế nữa. Tập điều-trần của Nguyễn trường Tộ thật là một bài học hay cho bọn thực-dân :

1) *Việc võ bị: Ông xin mở các trường võ bị, mua súng ống*, lập một đội kỵ-mã sang Mãnh tìm ngựa tốt. *Sắm đủ khí cụ, lập ra những sưởng cơ khí*, nhờ người ngoại-quốc dạy nghề cho lính thợ. *Sắm hỏa-thuyền mở xưởng đóng tàu thủy.*

Việc phòng thủ : xây chữa các đồn ải theo lối mới, nhất là ở các cửa bể và các quan-ải. Sửa sang các thành-thị cho hợp với binh-pháp, và cắt đặt quân lính canh-phòng các nơi hiểm yếu ; Để vận lương thực cho kinh-thành, *ông xin cho đào một con sông lớn chảy từ Hải-dương vào Huế và nhân tự đứng lên đốc-xuất công việc.*

2) *Vấn đề ngoại giao* : Tiên-sinh đem gương các nước Nhật, Xiêm để khuyên triều-đình nên giao hảo với các cường quốc, mở cửa bể cho họ thông-thương, để có thể nhờ họ dìu-dắt trên con đường tiến-bộ.

3) *Vấn-đề cải cách giáo-dục Đặt những môn học mới : luật học, sinh ngữ học, nông học, cách trí học, kinh tế học* Để có đủ sách cho học sinh, *ông bàn nên dịch ngay các sách ngoại-quốc* một trong những vấn đề cần hệ và khẩn cấp ở nước ta hiện thời ! — Mua máy in để in sách phát cho dân chúng. — *Mở một trường kỹ nghệ* (cách-thức sắm sửa khí cụ, phương-pháp giảng dạy thế nào, ông đều nói rõ) — *Hàng năm, cho học sinh đi du học ngoại quốc* trong hạn 8, 9 năm. Như thế, chỉ trong mấy chục năm là ta có đủ nhân-tài để về giúp nước.

4) *Vấn-đề cải lương phong-tục* : Bài trừ các mối dị đoan, mê-tín của dân quê (thế mà người Pháp dường như cố-ý duy trì những cổ-tục và mê-tín : như việc công sứ đi đảo-vũ chẳng hạn !)

(Còn nữa)

VŨ-BỘI-LIÊU

1) *Tài-liệu rút trong quyển : « Nguyễn trường Tộ » của Nguyễn Lân.*

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 11)

Đoàn-tử-Tư làm đại-sứ, lại cho thừa-nghị-lang Lý-bang Chính làm chánh-sứ, trung-dực-lang Nguyễn-văn-Hiến làm phó-sứ, các chức trường-hành bồi giới đều đủ cả. Khi đến nơi, vua Tống khen là thành-ý, lại thấy nhân-vật phong-nhã ôn-hòa áo-mũ chỉnh-tề đường-bệ, rất lấy làm vui vẻ, xuống chiếu cho hữu-ty, bàn đặt cho quốc-hiệu bảo cho tên nước là An-nam-quốc, gia phong cho vua Lý làm An-nam quốc-vương » (*Khâm-định*, q. 5, tờ 12 b 13 a dẫn sử-ký Ngô-thì-Sĩ).

Đến năm Mậu-tý 1168, tháng tám, sứ nhà Tống sang, sứ Thát-đát (tức sứ nhà Nguyên) cũng sang, vua ta đều dụ và hậu thưởng ngầm lấy lễ tiếp đãi, không cho hai sứ gặp nhau (*Toàn-thư*, q. 4 tờ, 14 b). *Khâm-định* (q. 5, tờ 14 a) cẩn án rằng : «Cựu-sử (*Toàn-thư*) chép là Thát-đát cũng sang. Thát-đát tức nhà Nguyên. Lúc ấy người Kim còn mạnh, nhà Nguyên mới khởi ở Mạc-bắc, người Kim vào đất Biện (Kinh-đô của Tống), Tống phải thiên đô đến Lâm-an. Người Nguyên làm thế nào vượt người Kim mà sang nước ta ? Sử Ngô-thì-Sĩ chép là « Sứ Tống, sứ Kim đều sang », nay nên theo ».

(Còn nữa)

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 18

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thiên thứ năm ở quyển *Việt nam văn học sử yếu* nói về « ảnh hưởng của nước Pháp » Cả thiên chỉ có một chương là chương thứ mười tám (tr. 176-183) : Ông Dương quảng Hàm đề là « Các giáo sĩ. Cố Alexandre de Rhodes. Việc sáng tác chữ quốc ngữ »

Trang 178, ông Hàm nói « việc sáng tác chữ quốc ngữ chắc là *một công cuộc chung của nhiều người*, trong đó có cả các giáo sĩ người Tây ban nha, Bồ đào nha và Pháp lan tây », tôi thiết tưởng nên thêm cả giáo sĩ người Việt nam. Vì cố đạo sang nước ta, lúc đầu phải nhờ người nước ta giúp việc, tức là những thầy giảng sau này : thầy giảng dạy họ học tiếng ta, rồi phần nhiều hai bên dạy lẫn nhau : một bên dạy chữ la tinh hoặc chữ nước phương tây, một bên dạy tiếng Việt nam

Muốn cho khỏi quên, tất phải ghi chép những tiếng mới học ; lắm khi thầy giảng phải viết bài cho học trò tập đọc, nên cùng với giáo sĩ tây ngữ ra cách dùng chữ La mã, nhất là chữ Bồ đào nha, để viết tiếng ta, đặt ra năm dấu (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng) thành chữ « quốc ngữ » Việt sáng tác đại khái như thế. Tuy chưa có giấy má gì làm đích xác, vì hãy còn để cả ở La mã hoặc ở các giáo hội Âu châu, nhưng cũng có thể đoán được, như thế Vẫn biết rằng sách học thì không nên dạy những việc đoán phỏng, nhưng tại ông Hàm nói là « trong đó có cả các giáo sĩ người Tây ban nha, Bồ đào nha và Pháp lan tây » mà cũng chưa lấy gì làm chắc, nên tôi nói là « nên thêm người Việt nam » ; nếu không, thì bỏ hẳn câu ấy đi.

Ông lại nói : « Nhưng người có công nhất trong việc ấy là cố Alexandre de Rhodes, vì chính ông là người đầu tiên đem in những sách bằng chữ quốc ngữ ». Như thế mà bảo là « có công nhất » thì hơi quá : người đặt ra mới có thể gọi là « có công nhất », còn người in đầu tiên, chỉ có thể gọi là « có công » mà thôi ; dù không biết người đặt ra là ai cũng không thể gọi người in đầu tiên là có công nhất. Vả lại, ông Hàm nói rằng : « Theo bài tựa của tác giả (tức Đắc lộ, (Alexandre de Rhodes) thì các *Ngyên thủ* tác giả đã xem để làm cuốn ấy (tức *Dictionarium anhamiticum lusitanum et latinum*, in ở La mã năm 1651) là : a) Tự vựng An nam Bồ đào nha của cố Gaspar de Amaral, người Bồ đào nha ; b) Tự vựng Bồ đào nha An nam của cố Antoine Barbosa (chứ không phải Antoine de Barbosa), người Bồ đào nha. Hai cuốn này đều viết bằng tay và nay không còn truyền lại nữa » (tr. 179) Cứ như thế, thì tôi tưởng hai cuốn tự vựng của người Bồ đào nha ấy mới là « có công nhất ».

Cùng trang 179 về âm vận tiếng ta ». Ông Hàm nhận thấy : Quốc ngữ của cố Đắc lộ in khác bây giờ như thế này : « phụ âm *b* ngày xưa nay đọc ra *v* thí dụ bua — vua ». Chính chữ ấy là chữ *b* có một cái đuôi ngoặt : về bên trái, Tự vựng của cố Đắc lộ xếp riêng ra một vần ở sau vần *b*, chứ không phải vần *b* Còn đọc ra tiếng, thì có tiếng gần giống chữ *v*, như chữ « bin (vin) nghành xuống » ở trang 69 chữ « bợ (vợ) mọn » ở trang 70 ; có tiếng gần giống chữ *b*, như chữ « bíu môi, bíu miệng » ở trang 69. Cứ như thế thì tiếng ta về hồi xưa có cái giọng nửa như chữ *v* nửa như chữ *b*. Cho nên sử ta còn chép một chuyện về đời Lạc long (2734 — 258 q trước T. C.) có câu đặt gọi vua là « hô » : chữ « bộ » chính

(Xem tiếp trang 18)

BẢN TUYÊN NGÔN ĐỘC-LẬP

của nước Việt-nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ-tịch Chính-phủ Nhân-dân Hồ Chí Minh đã tuyên đọc trong Ngày Độc Lập

Tất cả mọi người đều sinh ra bình-đẳng. Tạo-hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm-phạm được. Trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự-do và quyền mưu nền hạnh-phúc.

Lời bất-hủ ấy ở trong bản tuyên-ngôn độc-lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : Tất cả các dân-tộc trên thế-giới đều sinh ra bình-đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự-do.

Bản tuyên-ngôn nhân-quyền và dân-quyền của cách-mạng Pháp năm 1791 cũng nói :

Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.

Đó là những lẽ phải không chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực-dân Pháp lợi dụng là có tự do, bình-đẳng, bác-ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân-đạo và chính-nghĩa.

Về chính-trị. — Chúng tuyệt đối không cho dân tộc ta một chút tự-do dân-chủ nào.

Chúng thi hành những pháp luật dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng dàng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế. — Chúng lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta sơ sác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, rừng, mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng.

Chúng không cho các tư gia ta được giàu lâu, chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, Phát xít Nhật đến xâm lấn Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn Thực dân Pháp gẫy gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Tự đó dân ta chịu hai từng xiềng xích : Pháp và Nhật. Tự đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái, sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày mồng 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy, hoặc đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không « bảo hộ » được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta 2 lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp

đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn trước. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết một số đông tù chính trị ở Yên Báy và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo hộ tính mệnh, tài sản cho.

Sự thực là từ mùa thu năm 1940 nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng Minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy đánh chính quyền lập nên.

Nước Việt Nam Cộng Hòa dân chủ

Sự thực là dân ta lấy lại nước Việt Nam tự tay Nhật, chứ không phải tự tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo đại thoái-vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng-xích thực-dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt-Nam Độc-lập. Dân ta lại đánh đổ chế-độ quân-chủ mấy mươi thế-kỷ mà lập nên chế-độ Dân-chủ cộng-hòa. Bởi thế cho nên chúng tôi, — Lâm thời chính-phủ của nước Việt-Nam mới. Đại biểu cho toàn dân Việt-Nam tuyên bố thoát-ly hẳn quan-hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp-ước mà Pháp đã ký với nước Việt-Nam. Xóa bỏ tất cả mọi đặc-quyền của Pháp trên đất nước Việt nam.

Toàn dân Việt-Nam trên dưới một lòng, quyết liều chết, chống lại âm mưu của bọn thực-dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng Minh đã công nhận những nguyên tắc dân-tộc bình-đẳng ở các hội-nghị Tê-hê-răng và Cựu-Kim-sơn quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt-Nam.

Một dân tộc đã gan-góc chống ách nô-lệ của Pháp hơn 80 năm nay, dân-tộc đó phải được tự-do! dân tộc đó phải được độc-lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi — Chính phủ lâm-thời của nước Việt-Nam dân-chủ cộng hòa — trịnh-trọng tuyên bố với thế-giới rằng:

Nước Việt-Nam có quyền hưởng tự-do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc-lập. Toàn dân Việt-Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực-lượng, tính-mệnh và của-cải để giữ vững quyền tự-do và độc-lập ấy.

Ký tên:

Hồ chí Minh chủ-tịch, Trần huy Liệu, Võ nguyên Giáp, Chu văn Tấn, Dương đức Hiền, Nguyễn văn Tố, Nguyễn mạnh Hà, Cù huy Cận, Phạm ngọc Thạch, Nguyễn văn Xuân, Vũ trọng Khánh, Phạm văn Đồng, Đào trọng Kim, Vũ đình Hoè, Lê văn Hiến.

DU KÍCH CA

I

Anh em trong đoàn quân Du-Kích.
Cùng vác súng lên nào.
Đi lên! Đi lên!
Xuyên qua rừng, qua núi.
Trong mây mờ đêm tối.
Vượt suối, băng ngàn.
Giặc tiến tới đây, súng kia cùng nhau cướp lấy.
Nhằm cùng nhau bắn.
Mấy viên là mấy quân thù.
Đi lên! Xung phong, ta hợp cùng dân chúng.
Cướp lấy phần chiến thắng.
Giải phóng giống nòi.

II

Đi lên, bên cờ quân cứu quốc.
Cùng lắp lưỡi lê vào.
Xung phong! Xung phong! nhằm quân thù xâm tới.
Cướp lương thực khí giới.
Càng đánh phá dồn.
Đoàn Du-Kích quân, kéo nhau vào luôn chiếm đóng
Rồi cùng dân chung cờ nêu bành trướng chiến khu
Đi lên! Đi lên! ta trung thành hăng hái
Dưới Quốc-kỳ phấp-phới, mầu đỏ sao vàng.

« NGÀY ĐỘC LẬP »

(Tiếp theo trang 6)

Chúng tôi sẽ kiên quyết lãnh đạo toàn dân giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc và thực hiện bản chương trình của Việt minh, đặng mang lại tự do hạnh phúc cho dân tộc.

Trong lúc giữ nền độc lập chúng tôi quyết vượt mọi khó khăn, nguy hiểm dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ.

— Chúng tôi, toàn thể dân Việt nam xin thề : kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt nam dân chủ cộng hòa, ủng hộ chủ tịch Hồ chí Minh.

Chúng tôi xin thề cùng Chính phủ giữ quyền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu mô xâm lược dù có phải chết cũng cam lòng.

Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề :

Không đi lính cho Pháp
Không làm việc cho Pháp
Không bán lương thực cho Pháp
Không đưa đường cho Pháp

***

Lời thề của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa và của quốc dân Việt nam trong *Ngày Độc Lập* thật cương quyết và mãnh liệt.

Nếu cần máu chảy, toàn thể dân Việt đã cam kết dâng thân thể cho Tổ quốc để bảo vệ đất nước.

Nếu cần sống phơi nơi súng đạn, tất cả mọi người đều đã xin thề tiến ra bãi chiến trường gỏ tới giọt máu cuối cùng để tử chiến với kẻ thù.

Với những lời thề tự sinh và đoàn kết, toàn thể đồng bào dân đất Việt rồ đây hằng năm sẽ có dịp ăn mừng « *Ngày Độc Lập* ».

Trước tạm ngoại xâm đe dọa trong lúc ra về mọi người như còn văng vẳng bên tai lời căn dặn thết tha của chủ tịch Hồ chí Minh mà đau tóc đã nhuốm vẻ phong sương của những ngày bôn ba nơi hải ngoại :

— Của quý nhất của quốc dân là « độc lập » ta đã lấy được rồi ; nhưng đồng bào ai ở tưởng thế là thái bình đâu ! Ta còn phải trải nhiều sự gian khổ ta phải sẵn sàng vượt mọi sự khó khăn để sau này sẽ còn nhiều cuộc khánh chúc thắng lợi to hơn nữa »

PHẠM - MẠNH - PHAN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ

(Tiếp theo trang 15)

đọc ra nôm thì có cái giọng vừa « hua » vừa « vua », mà đến thế-kỷ thứ mười bảy, cố Đắc-lộ in cuốn tự vựng bấy còn cái giọng nửa *a* nửa *b*, nên mới đặt ra chữ *b* có cái đuôi ngoặc về bên trái.

Đến câu « phụ - âm *d* ngày xưa nay đọc ra *nh*. Thí-dụ : dè-dẹ : nhè nhẹ » (tr. 479), cũng nhầm. Đó là tiếng đàng trong và tiếng đàng ngoài, chứ không phải xưa với nay, hiện giờ tiếng nói ở Quảng trị ; Thừa-thiên hãy còn nhiều tiếng vẫn *d* mà ở ngoài ta đọc ra *nh* ; mà cũng có tiếng hiện ngoài ta cũng còn nói đến, như chữ « nhường nào » đọc là « dường nào » Tự-vị Đắc-lộ, tr 559 « con nhộng » nó là « con dộng », v. v.

Ông Hàm nói « có vài âm mất hẳn », rồi ông chua « phụ-âm *bl* nay đổi làm (3 chữ, là) *gi*, *l*, *tr*). Thí dụ : dối blá ; đối giá) ... ; tàu blúc-blác : tàu lúc-lắc ; blái núi : trái núi ». Chia ra như thế mới vụn vặt : tôi tưởng tiếng *bl* ngày xưa, bây giờ chỉ là tiếng *tr* hoặc *l* mà thôi. Chữ « dối blá » của ông thí dụ cũng chỉ đọc là « đối trá » hoặc « dối dá », chứ không phải là « dối giá »

Trang 180, ông Hàm nhận thấy chữ quốc-ngữ về Đắc-lộ làm tự vựng có vài chữ khác bây giờ. Chỗ ấy ông còn bỏ quên mấy chữ như sau này : vần *ọoc* nay viết là *ọc* thí dụ : *hàoc đlò* (học trò), *ngàoc thủy - tinh* (ngọc thủy - tinh). — *ea* ; *a* : *dăay dăõ* (dạy dỗ), *tối dặa* (tối dạ), *đăao cưa* (dao cưa), *dăát tlâu* (đất trâu), *bàáp vào*) ; — *ăe* : *e* : *đi tlăép* (đi dép) ; — *ăo-o* : *dáon* (dọn) ; — *ăoc* : *ọc* : *bề daọc* (bề dọc) ; — *ây* : *ây* : *lấy làm trạõ* (lấy làm trọng) ; — *ăôc* : *uốc* : *coăc* (quốc) ; — *ăân* : *uân* : *trăm lăân* (trăm luân) ; *ăên* : *uên* : *căên* (quên hoặc quên) ; — *ăêt* : *uêt* : *lề lăêt* (lệ luật) ; — *oăt* : *uốt* : *dưa coạ* (dưa chuột) ; — *ăơ* : *ưa*, *ươ* : *thảở bề* (thủa bé). — *óuc* : *oc*, *uc* *ngôục hăàng* (ngọc hoàng), *địa ngôục* (địa ngục) ; — *cuiên* : *quyền* : *cuển sách* (quyển sách) v. v. Nhưng cũng có cả vần *quiền*.

Tôi trích một đoạn ở trong quyển *Phép giảng tăm ngày cho kẻ muốn* (muốn) *chịu phép rửa tội, mà beảo* (vào) *đạo thánh*

đức Chúa blời (lời; trời); *Cathechismus Pro ijs, qui volunt suscipere Baptismum In octo dies divisus* (từ tr. 21 đến tr. 24) để độc-giả biết chữ quốc-ngữ về hồi thế kỷ thứ mười bảy đối với bây giờ khác nhau thế nào, và cái giọng văn về hồi ấy ra sao. Có một vài chữ bây giờ không có, như chữ *b* có cái ngoặc về phía trái về chữ *e*, chữ *o*, chữ *u* có dấu ngửa, xin độc-giả tự hiểu cho. Đoạn sách ấy như sau này: « vì chưng đã có mlẽ (lẽ) sẳng tlão lãõ (trong lòng) chúng tôi thì phải suy mlẽ (lẽ) này, thật có cha cả là Chúa cả hoá ra mọi sự, thì mới nên mọi sự. Nhin (nhân) vì sự ấy (ấy) thì đầu năm bua (vua) chúa An-nam làm phép cả, có đại thần cả và nước và coên coãc (quân quốc) đều cũ (cùng) thiên hạ đi cũ (cùng), ra Giao mà tế thượng đế; đến khi bua (vua) chúa đã tế thượng đế đoạn, thì đại thần cũ (cùng) kẻ cả tlão (trong) nước, cũ (cùng) cả và thiên hạ thì mới lạy bua (vua) Chúa trước (trước) mặt dân (dân). Thôi đoạn ai nếi (nấy) thì về nhà mà lạy cha mẹ cu (cùng) kẻ bề tiên (trên) mình: Oũ (ông) bà oũ (ông) vải, Tlaõ (trong) việc nầy ta xét được người An nam lấy (lấy) mlẽ (lẽ) mình mà thờ ba đứng cha, dù mà chưa biết tỏ tường (tường) Thứ nhit (nhất), nhứt là thượng phụ, thật là thượng đế, mà bua (vua) chúa An nam tế thượng đế trước (trước) mặt thiên hạ cũ (cùng) đại thần, thay vì các dân (dân) ở chầu bua (vua) chúa khi làm việc, mà các dân (dân) ở đấy (đấy), dù mà chẳng biết, mà đứng lạng cũ (cùng) thờ thượng đế, là cha cả tiên (trên) hết mọi sự, theo bua (vua) chúa bậy (vậy). Làm việc tế thượng đế đoạn thì kẻ cả tlaõ (trong) nước đại thần cũ (cùng) các dân (dân) thì kính bua (vua) chúa mà lạy xuống (xuống) như thói An nam. Ấy (ấy) là thật kính lạy trũ (trung) phụ cả và nước, là bua (vua) chúa. Sau hết khi ai nầy (nấy) về nhà mà lạy cha mẹ, oũ (ông) bà, oũ (ông) vải; bởi vì có mlẽ (lẽ) ở tlaõ lãõ (trong lòng) mình đeạt (đạy) kính phụ thứ ba, là chức dưới bậy (vậy) Như có ba từng cha tự nhiên hay biết cũ (cùng) có ba đứng thưởng phạt, vì cương cha nào sinh đẻ con lành có bưng (vưng) mười (lời) cha, thì cha thưởng cho của cải mình: vì bằng cha sinh đẻ con kứng (cứng) cổ chẳng nghe mlời (lời) cha, thì cha phạt lấy (lấy) roi mà đánh; vì bằng con chẳng chừa lâu thì cha cu (cùng) xua đi, mà chẳng cho của mình (mình). São (song) le dù mà cha mẹ nào có con hiền lành bưng (vưng) phép, cho con mình làm quan thì chẳng được, mà cha mẹ nào có con dú mà chẳng nghe mlời (lời) thì cũ (cùng) đánh chết chẳng được: có đánh chết thì có vạ. São (song) le bua (vua) chúa có dân (dân) bưng (vưng) phép chẳng những là thưởng mà cho tiền bạc của cải như cha mẹ, và kửa (cửa) nhà ruộng nương hơn cha mẹ nữa, mà lại cho làm quan cuyền (quyền) bằng coũ (công) dân (dân) thì cũ (cùng) được. Vì bằng ai làm ngụy chẳng, bưng (vưng) lề loạt (lề luật) tlão (trong) nước, bua (vua) chúa thì phạt được, chẳng lọ là cất của mà ở chém giết.

At thật thượng phụ là cha cả chúa cả tiên (trên) hết mọi sự, có thưởng có phạt trạõ (trọng). vì chưng ai giữ đạo chúa cả, thì chúa thưởng được no mọi sự đời nầy, mà lại đời sau thưởng hằng bui bẻ bậy (vui vẻ vậy). Vì bằng có ai chẳng khứng (do chữ khẳng của Tàu, nghĩa là chịu) thờ chúa cha mà lại thờ ma quỉ cũ (cùng) các vật, đức chúa blời (lời) thì phạt được và cất hết của thế (nghĩa là đời) nầy. Cũ (cùng) làm đau nắng (nặng) cho đến chết thì cũ (cùng) được, mà lại phạt được vô cũ (cùng) bỏ xuống (xuống) tlão (trong) địa ngoục (ngục) chịu khốn nạn đời đời »

Xem như đoạn sách trên này thì có nhiều tiếng so với bây giờ không thật đúng, cái đó một phần là tại người tây nói tiếng ta cho nên giọng nói lơ lớ chứ không phải là tiếng nói ngày xưa khác với bây giờ như thế. Còn giọng văn thì hệt lối văn chữ nho, thỉnh thoảng có một hai tiếng nói nhịu, đó cũng tại là lai tiếng, nên hóa ra như vậy.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Muốn làm giàu phải vé số
Đông Dương
2$ 10 một vé

Bụi đời... gió cuốn,

TÔI MIỄNG TRẠNG TIẾNG TA

NẾU bây giờ, Cô-Lý mạo - muội hỏi cái ông trạng - sư đã dịch roue de secours ra cái bánh xe... cứu-tế nghĩa là đã nói tiếng Việt-nam không việt nam tí nào rằng :

— Bẩm quan, từ trước đến nay, có bao giờ quan đã dự-bị để sống cuộc đời tự-do của một người dân Việt-nam trong một nước Việt-nam độc-lập chưa ?

Thì chắc là vị trạng-sư ấy giận Cô-Lý lắm, giận vì chỗ đã dám đi ngờ vực lòng Ái-Quốc của ngài.

Và nếu Cô Lý khen một người bạn rằng :

— Ngài nói tiếng ta sỏi quá !

Thì người ấy sẽ giận hơn ; và sẽ cho là Cô-Lý chửi mát bởi vì cái lẽ rất thường, ai thì cũng phải nói sỏi tiếng mẹ đẻ. Ở nước Nam có những người không nói sỏi tiếng mẹ đẻ, nhưng không phải tội họ đâu.

***

Khi một nước đã bị mất chủ-quyền chính-trị thì bao nhiêu cái xấu sẽ do đó mà ra. Cổ đeo xiềng, tránh làm sao cho khỏi sứt sẹo ! Chúng ta chỉ nên đau-đớn mà nhận rằng có nhiều người đỗ những bằng rất lớn, mà ngọng tiếng ta. Xưa kia, nói tiếng Pháp là một giấu hiệu tri-thức, là một tang-chứng sang trọng. Vì thế có nhiều người trong những trường - hợp bắt đắc dĩ phải nói tiếng ta, cố tình nói bằng giọng tây. Dùng người, người Pháp không cần những người có nhân-cách, mà chỉ cầu sao cho dễ bảo, dễ sai. Vì thế cho nên họ giậy ta nhiều thứ mà họ cố tình không giậy ta cái khoa làm người. Và không có một trường học nào huấn-luyện học-trò để dự-bị cho thành những người dân xứng-đáng. Ai có tâm-huyết thì tự huấn-luyện lấy. Vì thế cho nên mới có cái cảnh đáng khóc của ngày nay : có những ông văn-khoa, luật khoa à cạc tiếng nước mình chỉ thoảng tiếng nước người, giật được mảnh bằng to, nghĩa là cướp được một cái cần câu cơm rất nhậy, các ông ấy mừng lắm rồi, còn có nghĩ đâu đến ngày mà danh-dự và cả sự sinh-nhai nữa, nhờ thế, buộc người ta phải nói sỏi tiếng mẹ đẻ. Nằm trên sự yên vui sung-túc, các ông ấy có ngờ đâu đến những cuộc đổi đời nó khiến cho các ông ấy phải ngã bổ chửng, dụng sạch những lông con vẹt để lòi cái thành những người không... « an-nam ».

CÔ LÝ

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi